|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX BUÔN HỒ  TRƯỜNG TH QUANG TRUNG  Số: …/KH-QT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  *An Bình, ngày 21 tháng 8 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**Giáo dục nhà trường năm học 2020-2021**

**I. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/T ngày 04/11/2013 hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới về chương trình, sách giáo khoa phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/BGDĐT ngày 26/12/2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ công văn số 336/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 hướng dẫn về biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học trong chương trình phổ thông 2018 và tổ chực hiện năm học 2020-2021;

Căn cứ vào Thông tư 04/2014/TT- BGDĐT ngày 28/02/ 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành qui định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Công văn 389/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2020-2021;

Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung trải nghiệm cấp tiểu học từ năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-UBND, ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2020 – 2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

Trường tiểu học Quang Trung xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2020 - 2021 như sau:

**II.BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG**

**1.Bối cảnh bên trong**

***1. 1. Điểm mạnh của nhà trường*.**

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ; Đảng ủy, chính quyền phường An Bình, sự đồng thuận của nhân dân và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

- Công tác tổ chức quản lý của BGH: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ Đại học sư phạm. Có năng lực quản lý khoa học và sáng tạo. Kế hoạch nhà trường hàng năm có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường: 61; trong đó: BGH: 03, tổng phụ trách 1, giáo viên: 51, công nhân viên: 6.

- Trình độ chuyên môn: - Đại học: 32 ; Cao đẳng: 23 ; Trung cấp: 05; Chưa qua đào tạo: 01 (Bảo vệ)

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Đội ngũ giáo viên có 9/51 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, có 18/52 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp thị xã, có 2 giáo viên là giáo viên phổ thông cốt cán thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Chất lượng học sinh:

+ Có truyền thống hiếu học, có nề nếp ngoan, có động cơ học tập tốt.

+ Luôn được quan tâm chăm sóc của gia đình, địa phương tốt.

+ Học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm: 99%

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt: 100%

+ Học sinh được khen thưởng đạt: 73 % .

- Cơ sở vật chất:

+ Phòng học: 26 phòng, 1 phòng tin học gồm 23 máy phục vụ học tập.

+ Phòng Thư viện: 1 phòng; Thiết bị: 1 phòng

+ Khu hiệu bộ: 04 phòng làm việc và hội trường

- Thành tích chính: Đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục Đào tạo Thị xã Buôn Hồ Đắk Lắk, được học sinh và phụ huynh học sinh tin cậy.

***1.2. Điểm yếu.***

- Một số giáo viên, nhân viên ứng dụng công nghệ thông tin và  các phần mềm tiện ích hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học chưa đạt hiệu quả cao.

- Cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu cho hoạt động dạy học: trường còn thiếu phòng học 02 buổi/ ngày, phòng Âm nhạc và Mỹ thuật. Chưa có nhà đa năng, một số phòng học còn thiếu các thiết bị hiện đại như tivi, máy chiếu, máy tính học sinh.

- Một số phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn, lo kinh tế gia đình nên chưa quan tâm sâu sát đến việc học của học sinh.

**2. Bối cảnh bên ngoài**

**2.1. Cơ hội**

- Với quan điểm “ Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục dành sự ưu tiên cho giáo dục, không những thể hiện ở những chính sách ưu

tiên, đầu tư mà còn ở sự lãnh đạo trực tiếp và luôn quan tâm chỉ đạo các mặt hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Tốc độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, tỉnh Đăk Lăk nói chung và của thị xã Buôn Hồ nói riêng trong những năm gần đây phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, trình độ dân trí ngày càng cao thì nhu cầu học tập đòi hỏi ngày càng lớn.

- Cơ chế chính sách, pháp luật ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện cho nhà trường chủ động trong việc thực hiện kế hoạch và hoàn thành nhiệm vụ.

- Công nghệ thông tin và các công nghệ khác không ngừng phát triển với các

phần mềm tiện ích đã hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học ngày càng tốt hơn.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiệt tình, yêu nghề, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt.

- Trường luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, chính quyền phường An Bình, đặc biệt là của Phòng GD&ĐT và UBND thị xã Buôn Hồ.

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và phụ huynh học sinh ngày càng cao. Phụ huynh học sinh đã quan tâm đến việc học tập của con em và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho con em được học tập.

- Trong những năm học gần đây các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

- Cơ sở vật chất ngày càng được củng cố, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cho công tác dạy và học ngày càng có hiệu quả.

Với kết quả đã đạt được trong những năm qua, nhà trường đã tạo được lòng tin cho học sinh và phụ huynh học sinh của cộng đồng dân cư.

**2.2. Thách thức.**

- Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, yêu cầu đòi hỏi của xã hội và gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

- Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của các nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vân dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời,biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Sự phân hóa về đời sống trong xã hội, và khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm gia đình học sinh có chiều hướng gia tăng; tình trạng vất vả để kiếm sống của một số không nhỏ trong gia đình PHHS, có thể làm tăng thêm tình trạng bất cập trong việc nhận thức đúng đắn về quan điểm kết hợp giáo dục giữacác môi trường giáo dục: Nhà trường - Gia đình - Xã hội.

- Để đạt được được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về CSVC, về con người nhưng cả hai nội dung này nhà trường đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền các cấp: phường, thị xã, tỉnh.

### 3. Định hường xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường

Kế hoạch giáo dục nhà trường phải thực hiện được mục tiêu giáo dục của chương trình mới 2018;

Đảm bảo lô gic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các môn học và các hoạt động giáo dục/ hoạt động trải nghiêm.

Đảm bảo tổng thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục/ hoạt động trải nghiệm không ít hơn thời lượng quy định của chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày cho học sinh lớp 1. Cụ thể là 9 buổi/tuần

Mỗi ngày học không quá 7 tiết, bên cạnh các môn học bắt buộc tổ chức dạy tăng cường cho học sinh về Toán và Tiếng việt;

Hoạt động trải nghiệm: ngoài tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp mỗi tháng tổ chức 1 tiết (buổi, ngày/tháng) Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề hàng tháng.

Mỗi học kỳ tổ chức 1 buổi trải nghiệm mở cho toàn khối 1,2,3,4,5 về các hoạt động ngoài nhà trường (đi tham quan viện bảo tàng;nhà đày Buôn Mê Thuột .....).

Buổi chiều thứ sáu của tuần cuối mỗi tháng dành cho sinh hoạt chuyên môn/ Họp hội đồng.

**III. MỤC TIÊU**

**3.1 Mục tiêu chung**

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều

kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục.

Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

Tập trung nâng cao chất lượng đại trà, đặc biệt:Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh;Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực;

Đổi mới chương trình giáo dục, công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục.

Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên

# môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

**3.2. Mục tiêu cụ thể**

+ Đội ngũ giáo viên:

* Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 21,2%
* Giáo viên dạy giỏi cấp thị xã: 34,6 %
* Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 77%

+ Học sinh:

**\* Học sinh khối lớp 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Môn học và HĐGD | Tổng số | Chỉ tiêu cuối năm học 2020 - 2021 | | |
| Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành |
| Tiếng việt | 265 | 45,3% | 54,7 % |  |
| Toán | 265 | 50,2% | 49,8% |  |
| TN-XH | 265 | 59,2% | 40,8% |  |
| Ngoại ngữ (Tự chọn) | 265 | 47,9% | 52,1 % |  |
| Đạo đức | 265 | 58,1% | 41,9% |  |
| Âm nhạc | 265 | 52,1% | 47,9% |  |
| Mĩ thuật | 265 | 36,2% | 63,8% |  |
| GD Thể chất | 265 | 57% |  |  |
| Trải nghiệm | 265 | 100% học sinh tham gia | | |

**+ Năng lực**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSHS** | **Năng lực tự chủ và tự học** | | | **Năng lực giao tiếp và hợp tác** | | | **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo** | | |
| Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| 265 | **69,8%** | **30,2%** | **o%** | **64,9%** | **35,1%** | **0%** | **61,9%** | **38,1%** | **0%** |

**+ Phẩm chất**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSHS** | Yêu nước | | | Nhân ái | | | Chăm chỉ | | | Trung thực | | | Trách nhiệm | | |
| T | H | C | T | H | C | T | H | C | T | H | C | T | H | C |
| 265 | 100% | 0% | 0% | 100% | 0% | 0% | 75,5% | 24,5% | 0% | 100% | 0% | 0% | 75,5% | 24,5% | 0% |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **+ Môn học và các hoạt động giáo dục**  **\* Học sinh từ khối lớp 2-5** | | | |
| Môn học và HĐGD | Chỉ tiêu cuối năm học 2020-2021 | | |
| Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành |
| Tiếng việt | **45 %** | **54%** | **1 %** |
| Toán | **49%** | **50 %** | **1 %** |
| TN-XH | **54 %** | **46%** |  |
| Ngoại ngữ (TA) | **45%** | **55%** |  |
| Đạo đức | **57%** | **43%** |  |
| Âm nhạc | **45%** | **55%** |  |
| Mỹ thuật | **44%** | **56%** |  |
| Thủ công | **53%** | **47%** |  |
| Thể dục | **54%** | **46%** |  |
| Lịch sử - Địa lý | **54 %** | **46%** |  |
| Khoa học | **54%** | **46%** |  |

**+ Năng lực**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 954 | Tự phục vụ tự quản | | | Hợp tác | | | Tự giải quyết vấn đề | | |
| Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG | Tốt | Đạt | CCG |
| **954** | 81,2**%** | 18,8**%** | 0**%** | 80,2**%** | 19,8**%** | 0**%** | 76,6**%** | 23,4**%** | 0**%** |

**Phẩm chất**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSHS** | **Chăm học, chăm làm** | | | **Tự tin, trách nhiệm** | | | **Trung thực, kỉ luật** | | | **Đoàn kết, yêu thương** | | |
| 954 | T | H | C | T | H | C | T | H | C | T | H | **C** |
| 77,8**%** | 22,2**%** | 0**%** | 78,6**%** | 21,4**%** | 0**%** | 92,6**%** | 7,4**%** | 0**%** | 95,3**%** | 44,7**%** |  |

# IV.NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

**1.Thực hiện chương trình giáo dục**

**1.1.Kế hoạchchung**

- Căn cứ khung phân phối chương trình giáo dục hiện hành của Bộ giáo dục, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, trường tiểu học Quang Trung ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học như sau: Tiếng việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lý, Thể dục(giáo dục thể chất), Thủ công, Kĩ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật (nghệ thuật), ngoại ngữ, hoạt động trải nghiệm.

- Đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh PPCT trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ của cấp học trong chương trình giáo dục theo hướng tinh giản, tăng cường phát triển các kĩ năng trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học tại Công văn số 7975/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2009, khối lớp 1 theo chương trình 2018, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế theo khung thời gian 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

- Các tổ chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; tất cả đều được thể hiện trong biên bản họp nhóm, tổ và được Hiệu trưởng duyệt trước khi thực hiện.

# 

# 1.2.Quy định số tiết dạy:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học** | **Số tiết học**  **từng môn của lớp 1** | | | | **Số tiết học**  **từng môn của lớp 2** | | | **Số tiết học**  **từng môn của lớp 3** | | | **Số tiết học**  **từng môn của lớp 4** | | | **Số tiết học**  **từng môn của lớp 5** | | |
| HK1 | | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN | HK1 | HK2 | CN |
| **I** | **Môn học bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng  Việt | 216 | | 204 | 420 | 162 | 153 | 315 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 |
| 2 | Toán | 54 | | 51 | 105 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 |
| 3 | TNXH | 36 | | 34 | 70 | 18 | 17 | 35 | 36 | 34 | 70 |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Khoa  học |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 5 | LS&  ĐL |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 6 | Tiếng Anh |  | |  |  |  |  |  | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 |
| 7 | Đạo  đức | 18 | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 8 | Âm nhạc | 36 | | 34 | 70 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 9 | Mĩ  thuật |  | |  |  | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 10 | Thủ  công |  | |  |  | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Kĩ  thuật |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| 12 | Thể dục (GDTC) | 36 | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| **II** | **Hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | GD tập thể  (HĐTN) | 54 | | 51 | 105 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |
| 14 | Kĩ năng  sống |  | |  |  | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 |
| **III** | **Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Tiếng  Anh | | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **16** | Tin học | |  |  |  |  |  |  | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 |  |  |  |
| **17** | TCT.Việt | | 90 | 85 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **18** | TC Toán | | 72 | 68 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số tiết** | | | **648** | **612** | **1120** | **450** | **425** | **875** | **540** | **510** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **540** | **510** | **1050** |
| **Số tiết/tuần**  **(Cả năm học)** | | | **1260 tiết/35 tuần = 36 tiết/1 tuần** | | | **875tiết/35 tuần= 25tiết/1 tuần** | | | **1050 tiết/35 tuần = 30tiết/1 tuần** | | | **1120 tiết/35tuần**  **= 32 tiết/1 tuần** | | | **1050 tiết/35tuần= 30tiết/1 tuần** | | |
| **Số buổi**  **dạy/tuần** | | | **9 buổi/tuần** | | | **5 buổi/tuần** | | | **6 buổi/tuần** | | | **7 buổi/tuần** | | | **6 buổi/tuần** | | |

**2. Các hoạt động giáo dục**

**Thực hiện rà soát, điều chỉnh PPCT môn học**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo chuyên môn của Bộ, Sở giáo dục và đào tạo điều chỉnh nội dung và yêu cầu các môn học và các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh, thời gian thực tế và điều kiện dạy học của trường trên cơ sở chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh trong đó tập trung vào các nội dung:

- Tiếp tục rà soát nội dung sách giáo khoa, tinh giản những nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; điều chỉnh để tránh trùng lặp nội dung giữa các môn học, hoạt động giáo dục; bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo hướng sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa thành một số bài học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị sống, rèn luyện kĩ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

-Tăng cường thực hiện tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật; chú trọng tuyên tuyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông, giáo dục quốc phòng an ninh… theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

**2.1. Hoạt động giảng dạy**

Chủ động thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục:

- Trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông của Bộ, trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp với tình hình thực tế của trường thông qua việc tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, chú trọng giáo dục đạo đức, giá trị sống, rèn luyện kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh;

- Từng giáo viên chủ động thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; cán bộ quản lí hướng dẫn và tập huấn cho giáo viên theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tinh giản, lược bớt những nội dung trùng lắp, không phù hợp đối với học sinh tiểu học; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực học sinh;

- Điều chỉnh nội dung và yêu cầu các môn học và các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện dạy học và thời gian thực tế của trường trên cơ sở chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; tích cực thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên và học sinh khối lớp 1;

- Tiếp tục thực hiện thông tư 01/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ GD&ĐT về “hướng dẫn giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở”. Thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh thông qua nội dung các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học;

- Thực hiện tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (4 tiết/tháng) phù hợp điều kiện thực tế nhà trường.

- Soạn bài: Giáo viên đã giảng dạy đổi mới theo hướng phát huy năng lực của học sinh, vận dung linh hoạt các phương pháp và hình thức phù hợp, giúp các em tự tin, tự học, sáng tạo theo thời lượng 2 buổi/ ngày.

- Đổi mới phương pháp và kĩ thuật dạy học

+ Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học; dạy học phân hoá, dạy học cá thể, quan tâm hơn đến từng em học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT thông qua các chuyên đề, thao giảng, sinh hoạt tổ chuyên môn;

+ Thực hiện các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng tiếp cận và phát triển năng lực, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh;

- Bước đầu tổ chức dạy học ngoài trời, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, dạy học bằng trải nghiệm, dự án;

- Sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học

+ Phát huy vai trò tích cực của học sinh trong việc chủ động sưu tầm và tự làm đồ dùng học tập theo yêu cầu của giáo viên chủ nhiệm để nâng cao chất lượng học tập.

**2.2. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng anh**

- Khối 3,4,5 lớp dạy chương trình Tiếng anh theo đề án 4 tiết/tuần.

- Tiếp tục chỉ đạo, triển khai tốt việc dạy và học Tiếng anh để chuẩn bị tốt cho việc triển khai các môn học này với tư cách là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới, góp phần tích cực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo điều kiện để hội nhập sâu với khu vực và quốc tế;

- Dạy đủ 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh, trong đó tập trung phát triển hai kĩ năng nghe và nói. Đa dạng hình thức dạy và học Tiếng anh, tạo môi trường ngôn ngữ thuận lợi, tạo cơ hội để học sinh được thể hiện khả năng Tiếng anh được học.

- Trường tiếp tục thực hiện chương trình Tiếng anh theo dự án 4 tiết/ tuần học;

- Nâng cao việc thiết kế đề kiểm tra Tiếng anh của trường trong việc đánh giá học sinh học Tiếng anh theo chuẩn Quốc tế và chỉ đạo của Ngành;

- Tiếp tục tạo môi trường ngôn ngữ bằng các hình thức phong phú như: Dạy học theo dự án, theo trạm, hoạt động đọc và kể chuyện, quản lí lớp học bằng hò, vè; đẩy mạnh các hoạt động giảng dạy Tiếng anh qua các môn học khác: Toán, Khoa học; … Khuyến khích học sinh mỗi học kỳ đọc được ít nhất một quyển truyện đọc bằng Tiếng anh dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Tổ chức hội thi giao lưu Tiếng anh có tiểu phẩm minh họa cấp trường gắn với các ngày hội của trường;

- Đẩy mạnh hoạt động “Open house” (mở cửa đón phụ huynh vào tham dự tiết học), tạo điều kiện để phụ huynh tham gia vào các hoạt động của nhà trường;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc nâng chuẩn cho giáo viên Tiếng anh theo Quyết định 448 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng Tiếng anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp giai đoạn 2020-2025”;

- Giáo viên cần được tiếp tục bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp dạy học, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì bằng nhiều hình thức, chú trọng học qua mạng và tự học của giáo viên;

**2.3.Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học Tin học**

- Tiếp tục tổ chức thực hiện dạy học môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục có nội dung Tin học - Công nghệ thông tin dưới hình thức các câu lạc bộ khoa học vui để học sinh được tiếp cận, hình thành các kĩ năng học tập, sử dụng sáng tạo.

- Tin học: Luyện tập tin học (từ khối 3 khối 4);

**2.4. Tiếp tục đổi mới Phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp dạy học tích cực, lựa chọn và triển khai các thành tố tích cực của các mô hình giáo dục tiên tiến**

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; dạy học phân hoá, dạy học cá thể, dự án, học ngoài nhà trường, ngoại khóa, dạy học bằng trải nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm hơn đến từng em học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình giáo dục phổ thông; phát huy vai trò tích cực của học sinh trong việc chủ động sưu tầm thông tin để nâng cao chất lượng học tập và giúp cho học sinh có điều kiện tự quản trong hoạt động nhóm ( tổ, lớp);

- Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức dạy học phù hợp. Tiếp tục tổ chức và thực hiện đánh giá hiệu quả các chuyên đề đã được triển khai. Tiếp tục triển khai phương pháp “Bàn tay nặn bột”, xây dựng, hoàn thiện các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột” trong trường. Khuyến khích giáo viên thiết kế, tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành, thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện;

- Tiếp tục củng cố, vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực theo dự án vào giảng dạy: Kĩ thuật dạy học “Các mảnh ghép”, “Dạy học theo góc”, “Khăn trải bàn”; kĩ thuật KWL, Dạy học theo dự án...

- Tiếp tục triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới theo công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho giáo viên chủ động sắp xếp bài dạy theo nhóm các bài học thành chủ đề, lập kế hoạch cho từng hoạt động hoặc cho toàn quy trình mĩ thuật phù hợp với tình hình thực tế, không nhất thiết phải tổ chức dạy nhiều tiết trong cùng một buổi. Tạo điều kiện cho giáo viên Mĩ thuật sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường để giáo viên giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với nhau;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả dạy học Tiếng việt, tích hợp dạy học Tiếng việt và các nội dung giáo dục: Thực hiện tích hợp dạy học Tiếng việt và các nội dung giáo dục (giáo dục đạo đức, tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh, bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; giáo dục an toàn giao thông, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống HIV/AIDS; ...) vào các môn học và hoạt động giáo dục. Việc tích hợp cần đảm bảo tính hợp lí, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh và giáo viên;

**2.5. Tiếp tục thực hiện đúng Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về quy định đánh giá học sinh tiểu học (đối với lớp 2,3,4,5)**

- Tiếp tục hỗ trợ, tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kĩ thuật đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên chủ yếu nhận xét, hướng dẫn bằng lời nói trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong giờ học và hoạt động giáo dục. Tiếp tục xây dựng ma trận đề khi tổ chức ra đề kiểm tra đánh giá học sinh, đảm bảo các mức độ theo quy định;

- Tiếp tục phát huy và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lí kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện đánh giá theo hướng phát huy năng lực học sinh, khuyến khích sự tiến bộ của các em.

**2.6. Nâng cao chất lượng giảng dạy và sinh hoạt tổ chuyên môn: Tổ chức chuyên đề, thao giảng, sinh hoạt tổ chuyên môn dựa trên phân tích hoạt động học của học sinh**

Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/lần

Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức theo cụm trường.

- Đổi mới sinh hoạt tổ khối chuyên môn, thường xuyên trao đổi tình huống sư phạm trong sinh hoạt tổ khối chuyên môn, hội đồng sư phạm;

- Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tổ khối trong trường thiết thực, chất lượng đáp ứng nhu cầu dạy và học;

- Tập trung đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học, góp ý xây dựng giúp giáo viên nâng cao năng lực giảng dạy, kĩ năng sư phạm, không nhằm mục đích đánh giá xếp loại giáo viên chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 04 chuyên đề/năm học về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy.

- Sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy trong tuần khoa học, hợp lí, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi tổ khối có được một buổi sinh hoạt chuyên môn hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, cơ sở vật chất của nhà trường. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới các hoạt động đánh giá học sinh cho giáo viên, qua đó tạo cơ hội để mỗi cán bộ, giáo viên được phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp sáng kiến kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục.

**2.7. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn**

Nhà trường giao cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy bộ môn theo dõi học sinh ở từng bộ môn nhận thức tốt có năng khiếu ở tất cả các khối lớp để có kế hoạch bồi dưỡng và phụ đạo cho học sinh.

- Phân công đồng chí Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn;

Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của tổ chuyên môn, giáo viên dạy cùng với tổ chuyên môn tham dự các buổi chuyên đề liên quan đến công tác bồi dưỡng học sinh.

* Đối với tổ chuyên môn:

Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng, phụ đạo.

Các môn học khác có học sinh nhận thức chậm giáo viên dạy có trách nhiệm phụ đạo ngay trong giờ học thông qua phân hóa đối tượng học sinh.

Giao cho đồng chí Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác phụ đạo học sinh nhận thức chậm như sau;

Tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo, phân công giáo viên dạy

Trực tiếp theo dõi, kiểm tra công tác phụ đạo học sinh chưa hoàn thành nội dung bài học.

- Đối với Tổ chuyên môn: Theo dõi kết quả tiến bộ của học sinh khó khăn trong học tập ở các môn học qua từng học kỳ, có giải pháp hỗ trợ giáo viên phụ đạo các em.

- Đối với giáo viên phụ đạo:

Lập danh sách khó khăn trong học tập do mình phụ trách, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập trong các giờ học.

Có trách nhiệm phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em học sinh tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh khó khăn, lười học tập.

Giáo viên chủ nhiêm, giáo viên bộ môn theo dõi sát, hướng dẫn phương pháp học tập, tổ chức truy bài đầu giờ, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh để giúp đỡ học sinh tiến bộ; thực hiện đôi bạn cùng tiến, nhóm bạn học tập

***-Thời gian thực hiện:*** Trong các tiết học, các giờ kiểm tra bài sau khi kết thúc HKI, có thể bố trí 1buổi/tuần, theo lịch nhà trường.

## 2.8.Tham gia các hội thi chuyênmôn:

## *Đối với giáo viên:*

Phát động phong trào thi đua dạy tốt-học tốt trong giáo viên và học sinh vào các đợt hội giảng chào mừng các ngày lễ lớn như: Đợt 1: 20/11; Đợt 2: 22/12. Giáo viên đăng ký những tiết dự giờ thao giảng sau đó nhà trường lên lịch để giáo viên đi dự giờ, học tập, rút kinh nghiệm.

Phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm luôn được chú trọng, ngay từ đầu năm học nhà trường đã phát động đến toàn thể Cán bộ viên chức.

Tổ chức phổ biến để áp dụng những sáng kiến được công nhận cấp thị xã, cấp tỉnh để giáo viên áp dụng váo giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng.

**Đối với học sinh:** Tham gia đầy đủ có chất lượng các cuộc thi do ngành phát động như bóng đá, văn nghệ....

**2.9. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (Hoạt động ngoài giờ lên lớp)**

*- Hình thức tổ chức*:

Tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa.

Sinh hoạt dưới cờ đầu tuần: Hằng tuần, thực hiện vào thứ hai lúc 7 giờ với nội dung cập nhật với tình hình thực tế của nhà trường và kế hoạch của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục, rèn kĩ năng sống cho học sinh;

+ Tổ chức cho học sinh hát Quốc ca tại Lễ chào cờ Tổ quốc; hướng dẫn học sinh tập hát Quốc ca các buổi lễ theo đúng nghi thức, thể hiện nhiệt huyết, lòng tự hào dân tộc của tuổi trẻ Việt Nam. Thực hiện tập thể dục giữa giờ cho học sinh;

+ Nâng cao chất lượng giờ sinh hoạt đầu tuần, giờ sinh hoạt chủ nhiệm bằng nhiều hình thức.

- Tổ chức kỉ niệm ngày lễ.

+ Đưa các nội dung giáo dục văn hoá truyền thống, giáo dục thông qua di sản vào nhà trường, tìm hiểu các giá trị văn hoá tại địa phương. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, vui chơi, giải trí tích cực, các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian, dân ca, ngoại khoá phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương. Hướng dẫn học sinh tự quản, chủ động tự tổ chức, điều khiển các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Giáo dục âm nhạc dân tộc: Tổ chức cho học sinh nghe những bài hát dân ca vào đầu giờ hoặc giờ ra chơi; đưa âm nhạc dân tộc vào bài thể dục giữa giờ.

- Thể dục đầu giờ: Bài thể dục đầu giờ kết hợp với các bài dân ca.

- Tổ chức học tập dã ngoại: Thực hiện 02 lần/năm học. Trước khi tổ chức giáo viên đưa ra những yêu cầu để sau khi tham quan học tập dã ngoại các em thể hiện được cảm nghĩ của mình (Tham quan một số di tích lịch sử của tỉnh ĐắkLắk; Tổ chức cho các em tham quan, trải nghiệm một ngày làm chiến sĩ tại trung đoàn 95).

*-Tổ chức thực hiện****:*** Phó hiệu trưởng xây dụng kế hoạch chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong năm ở trong và ngoài nhà trường.

BGH nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp Ban ĐDCMHS về tổ chức trải nghiệm cho tất cả học sinh theo kế hoạch của nhà trường.

Phân công cho Phó hiệu trưởng phối hợp với tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động trải nghiệm, trình BGH và BĐD CMHS phê duyệt và thực hiện.

Giao cho giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Ban ĐDCMHS lớp cùng giáo viên bộ môn tổ chức cho học sinh trải nghiệm.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thứctổ**  **chức** | **TC**  **thực hiện** | **Người thực**  **hiện** | **Lực lượng**  **cùng tham gia** |
| Tháng 9 | Truyền thống nhà  trường | - Hoạt động trải nghiệm:"Tổchức trung thu" và tuyên truyền GD phòng chống xâm hại tình dục. | Toàn trường | Sáng, chiều 14/8  Âm lịch | BGH TPT | GVCN, Các đoàn thể |
| Tháng10 | Truyền thống nhà trường | Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Chúng em với trường lớp xanh, sạch, thân  thiện và an toàn. | Toàn trường | Sáng,  Chiều …/10 | BGH TPT | GVCN, Các  đoàn thể |
| Tháng 11 | Tôn sư trọng đạo | * Tổ chức hoạt động trảinghiệm: Hội thi Báo tường. * Giao lưu văn nghệ chào mừng 20/11 | Toàn trường | Sáng 20/11 | BGH TPT | BGH+ GVCN  +GV toàn trường |
| Tháng 12 | Uống nước  Nhớ nguồn | Viếng nghĩa trang  liệt sỹ +Nói chuyện | Toàn  trường | Sáng | Ban chỉ huy | BGH+  ĐoànTN, |
|  |  | truyền thống ngày quốc phòng toàn dân.  - Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Hội thi Nghi thức đội. |  | 22/12 | quân sự thị xã Buôn Hồ | GVCN.  GV toàn trường |
| Tháng 1 | Truyền thống dân tộc | - Tổ chức học sinh tham quan trải nghiệm: Ngày hội "Thiếu nhi vui khỏe”. | Toàn  trường | Sáng, chiều 11/1 | BGH TPT | * BGH+GVCN   + GV   * Phụ huynh họcsinh |
| Tháng 3 | Tiến bước lên đoàn | Tìm hiểu về Đoàn TNCSHCM  - Hoạt động trải nghiệm: “’Thắp sáng ước mơ”’ | Toàn trường | Sáng 26/3 | TPT, | BGH+ GVCN, GV,  NV toàn trường |
| Tháng 4 | Hòa bình hữu nghị | Tổ chức 1 ngày trải nghiệm:" một ngày làm chiến sĩ" | HS khối 4,5 | Sáng 10/4 | TPT. | BGH+ GVCN,GV  toàntrường |

***2.10. Giáo dục an toàn giao thông***

- Sử dụng tài liệu “Văn hóa giao thông dành cho học sinh tiểu học” hỗ trợ triển khai công tác giáo dục an toàn giao thông cho học sinh trong trường tiểu học theo công văn 4962/BGDĐT-CTHSSV ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nội dung, chương trình, thời gian thực hiện: Theo kế hoạch tháng

- Các hoạt động giáo dục an toàn giao thông khác: Tuyên truyền, nhắc nhở học sinh và cha mẹ học sinh tuân theo luật giao thông đường bộ.

***2.10. Phát triển văn hóa đọc trong nhà trường***

- Hoạt động của thư viện: Bổ sung sách cho thư viện;

- Tổ chức thư viện lớp học;

- Tổ chức hội thi kể chuyện theo sách.

***2.11. Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị***

*Sách giáo khoa và sách tham khảo*

- Bảo đảm ngay từ khi bước vào năm học mới tất cả học sinh đều có sách giáo khoa để học tập, sử dụng có hiệu quả sách và tài liệu của thư viện nhà trường;

- Giáo viên cần hướng dẫn sử dụng sách, vở hàng ngày để học sinh không phảimang theo nhiều sách, vở khi tới trường; tổ chức cho học sinh để sách vở, đồ dùng học tập tại lớp(lớp 1). Hướng dẫn học sinh sử dụng sách, tài liệu tham khảo theo đúng công văn số 2372/BGDĐT-GDTrH ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Khuyến khích xây dựng tủ sách lớp học, áp dụng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế.

- Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Khuyến khích học sinh mỗi học kỳ đọc được ít nhất một quyển truyện đọc dưới sự hướng dẫn của giáo viên và tổ chức hội thi “kể chuyện theo sách” cấp trường.

*Thiết bị dạy học*

- Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (TBDH) để có kế hoạch sửa chữa và bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đã ban hành (Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2018), đồng thời quán triệt với giáo viên trong việc quản lí tốt việc sử dụng và bảo quản đồ dùng dạy học. Thực hiện Công văn số 7842/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 28 tháng 10 năm 2013 về việc đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, học liệu các cơ sở giáo dục đào tạo.

**3. Chương trình giáo dục nhà trường**

**Kế hoạch chuyên môn hàng tháng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung công việc** | **Người**  **thực hiện** |
| **8** | * - Biên chế các lớp trong toàn trường. * Bổ nhiệm các chức danh theo Điều lệ trường tiểu học. * Thành lập các tổ chuyên môn; phân công chuyên môn, kiêm nhiệm cho CBGV | Hiệu  trưởng |
| - Hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học   * Xếp thời khóa biểu * Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng hè cho cán bộ quản lý và giáoviên * Lập hồ sơ, sổ sách, kế hoạch chuyên môn nghiệp vụ. * Thống kê báo cáo đầu năm | Phó hiệu  trưởng |
| * Hội thảo về cách thiết kế các hoạt động ngoài giờ lênlớp. * Hội thảo về “ Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh” * Các tổ chuyên môn họp thống nhất các nội dung   hoạt động chuyên môn trong năm học. | Các tổ  chuyên môn |
|  | * Chỉ đạo các bộ phận xây dựng kế hoạch * Phát động tháng An toàn giaothông | Ban giám  hiệu |
| **9** | * Triển khai dạy An toàn giao thông các khối lớp * Kiểm tra chuyên đề đầunăm * Phân loại các trình độ nhận thức của họcsinh * Chỉ đạo tổ chức “ Đêm hội trăng rằm” * Họp tổ chuyên môn: Đăng ký thi đua, đăng ký sángkiến.   - Tiếp tục triển khai và thảo luận các chuyên đề đã được tập huấn. | BGH và  các tổ chuyên môn |
| - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà  trường | Ban kiểm  tra nội bộ |
| **10** | * Duyệt các kế hoạch chuyên môn, tổ chuyên môn. * Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn * Sinh hoạt tổ chuyên môn cấp cụm trường. * Làm báo cáo phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục đầu năm.   + Dự giờ đột xuất; kiểm tra đột xuất | Ban giám  hiệu |
| 11 | * Họp tổ/ nhóm chuyên môn * Khối 4, 5 xây dựng ma trận đề kiểm tra, ra đề, tổ chức kiểm tra giữa kỳ I hai môn Toán, tiếng Việt.   - Tổ chức chuyên đề cấp tổ theo kế hoạch đăng ký.  - Kiểm tra: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà  trường. | BGH và  các tổ chuyên  BKTNB  BGH |
| **12** | - Tổ chức tốt các hoạt động chào mừng ngày TLQĐNDVN 22/12.  - Tập trung ôn tập cuối kì cho học sinh  - Tăng cường giáo dục kĩ năng sống cho HS qua các hoạt động trải nghiệm .  **-** Chỉ đạo,tổ chức duyệt đề kiểm tra cuối kì I theo ma trận đã HD tại TT22/2016.  - Kiểm tra CSVC cuối năm 2020 | CĐ, PHT, TPTĐ  GVCN-HS  GVCN-HS  PHT, TTTCM  Ban TTND |
| **1+2** | - Tổ chức chuyên đề cấp tổ theo kế hoạch đăng ký.  - Kiểm tra hồ sơ cá nhân | PHT, TTTCM  PHT, TTTCM |
| **3** | - Phát động phong trào hoạt động chào mừng ngày 8/3.  - Phối hợp tổ chức tọa đàm ngày 8/3 ý nghĩa.  - Tổ chức thi giữa kì II cho HS khối 4,5 theo thông tư 22/2016-BGDĐT.  - Tổ chức chấm sáng kiến kinh nghiệm cấp trường.  - Kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên | BCHCĐ  BGH,BCHCĐ  PHT, TTTCM  Hội đồng khoa học cấp trường  PHT, TTTCM |
| **4** | Các đoàn thể, giáo viên hoàn thiện hồ sơ của cá nhân, từng bộ phận, chuẩn bị tốt đón phúc tra thi đua cuối năm.  - Tập huấn lại cách đánh giá chuẩn HT, chuẩn NNGV. | TPTĐ, CĐ  BGH, các đoàn thể, GV  BGH, GV |
| **5** | - Tổ chức kiểm tra cuối kì 2 nghiêm túc  - Thành lập hội đồng và xét HTCTTH  - Thực hiện, hoàn thành hồ sơ công tác bàn giao chất lượng giáo dục giữa các lớp, giữa khối lớp 5 và trường THCS Nguyễn Du theo hướng dẫn của PGDĐT.  - Trả sách, ĐDDH về thư viện đầy đủ.  - Thực hiện tự đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Đánh giá chuẩn HT, PHT theo quy định.  - Kiểm tra CSVC cuối năm học, bàn giao cho bảo vệ trong hè | BGH, GV  BGH, GV lớp 5  BGH  GV  CBCCVC  Ban KTNB |

**V. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM HỌC**

**1. Quy định thời gian học:**

Thực hiện Quyết định số 1872/QĐ-UBND, ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2020 – 2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cụ thể đối với GD tiểu học:

- Ngày tựu trường: Thứ 3, ngày 01/9/2020.

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2020.

- Học kì I bắt đầu từ ngày 05/9/2020, kết thúc trước ngày 09/01/2021

- Học kì II bắt đầu từ ngày 11/01/2021, kết thúc ngày 22/5/2021, hoàn thành năm học trước 31/5/2021

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

**2. Thời gian biểu hàng ngày:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Sáng** | **Chiều** |
| **Vào học** | 7 giờ 0 phút | 13 giờ 10 phút |
| Sinh hoạt đầu giờ | 7 giờ 0 phút – 7 giờ 10 phút | 13giờ 10 phút – 13 giờ 20 phút |
| Học tiết 1 | 7 giờ 10 phút – 7 giờ 45 phút | 13 giờ 20 phút – 13 giờ 55 phút |
| Học tiết 2 | 7 giờ 45 phút – 8giờ 20 phút | 13 giờ 55 phút – 14 giờ 30 phút |
| Học tiết 3 | 8giờ 20 phút – 9 giờ 0 phút | 14 giờ 30 phút – 15 giờ 10 phút |
| Ra chơi | 9 giờ 0 phút – 9 giờ 20 phút | 15 giờ 10 phút – 15 giờ 30 phút |
| Học tiết 4 | 9 giờ 20 phút – 9 giờ 55 phút | 15 giờ 30 phút – 16 giờ 5 phút |
| Học tiết 5 | 9 giờ 55 phút – 10 giờ 30 phút | 16 giờ 5 phút – 16 giờ 40 phút |

**3. Bảng tổng hợp kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 1- HỌC KỲ I** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | Tiếng Việt | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 14 | 10 | 12 | **216** |
| 2 | Toán | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 4 | TN&XH | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 5 | GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 6 | Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |
| 7 | Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |
| 8 | HĐ TN | 3 | 3 | 3 | 4 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 4 | 3 | 3 | **54** |
| 9 | T ANH | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 10 | TC TV | 5 | 5 | 5 | 4 | 6 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 6 | 4 | 5 | **90** |
| 11 | TC T | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 5 | 4 | 3 | 4 | **72** |
| TS tiết/ tuần | | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 36 | 40 | 32 | 36 | **648** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 1- HỌC KỲ 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | 36 | **Tổng thời lượng** |
| 1 | Tiếng Việt | 12 | 12 | 12 | 12 | 6 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 10 | 10 | 10 | 12 | 12 | **204** |
| 2 | Toán | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 3 | 4 | **51** |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 4 | TN&XH | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | **34** |
| 5 | GDTC | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 3 | **34** |
| 6 | Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 7 | Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 8 | HĐ TN | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 7 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 3 | 0 | **51** |
| 9 | Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| 10 | TC TV | 5 | 5 | 5 | 5 | 2 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 4 | 5 | 4 | 5 | 5 | **85** |
| 11 | TC T | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 3 | 4 | 2 | 4 | 5 | **68** |
| TS tiết/ tuần | | **36** | **36** | **36** | **36** | **20** | **36** | **36** | **36** | **36** | **40** | **36** | **36** | **36** | **28** | **32** | **28** | **36** | **32** | **612** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 2- HỌC KỲ I | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | Tiếng Việt | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 10 | 8 | 9 | **162** |
| 2 | Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 6 | 4 | 5 | **90** |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 4 | TN&XH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 5 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 6 | Thủ công | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 7 | Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 8 | Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 9 | TLHĐ | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 2 | **18** |
| 10 | ATGT+KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 11 | Chào cờ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 12 | Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| TS tiết/ tuần | | **25** | **25** | **25** | **29** | **25** | **25** | **25** | **29** | **25** | **25** | **25** | **29** | **25** | **25** | **25** | **34** | **20** | **27** | **468** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 2- HỌC KỲ 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | Tiếng Việt | 9 | 9 | 9 | 9 | 5 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 8 | 8 | 8 | 9 | 7 | **153** |
| 2 | Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 3 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 | **85** |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 4 | TN&XH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 5 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 0 | 2 | 4 | **34** |
| 6 | Thủ công | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 3 | **17** |
| 7 | Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 8 | Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 9 | HĐNGLL | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | **17** |
| 10 | KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 11 | Chào cờ | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | **16** |
| 12 | Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | **34** |
| TS tiết/ tuần | | **25** | **25** | **25** | **29** | **15** | **25** | **25** | **29** | **25** | **30** | **25** | **25** | **25** | **20** | **20** | **24** | **25** | **24** | **441** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ I | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | Tiếng Việt | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 9 | 7 | 8 | **144** |
| 2 | Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 6 | 4 | 5 | 90 |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 4 | TN&XH | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 1 | 2 | **36** |
| 5 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 6 | Thủ công | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 7 | Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 8 | Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 9 | TLHĐ | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 2 | **18** |
| 10 | SH- ATGT-KNS | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 11 | Chào cờ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 12 | Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| 13 | Tin học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| TS tiết/ tuần | | **29** | **29** | **29** | **33** | **29** | **29** | **29** | **33** | **29** | **29** | **29** | **33** | **29** | **29** | **29** | **38** | **24** | **31** | **540** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | Tiếng Việt | 8 | 8 | 8 | 8 | 4 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 6 | 7 | 6 | 8 | 9 | **136** |
| 2 | Toán | **5** | **5** | **5** | **5** | **3** | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** | **5** | **4** | **4** | **4** | **5** | **5** | **85** |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  | **17** |
| 4 | TN&XH | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 | **34** |
| 5 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 3 | **34** |
| 6 | Thủ công | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 7 | Âm nhạc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 8 | Mĩ thuật | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 9 | HĐNGLL | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | **17** |
| 10 | KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 11 | Chào cờ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | **17** |
| 12 | Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | **68** |
| 13 | Tin học | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 0 | **34** |
| TS tiết/ tuần | | **29** | **29** | **29** | **33** | **19** | **29** | **29** | **33** | **29** | **34** | **29** | **29** | **29** | **24** | **24** | **28** | **29** | **25** | **510** |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4 - HỌC KỲ I | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | TVIỆT | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 10 | 6 | 8 | **144** |
| 2 | TOÁN | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 6 | 4 | 5 | **90** |
| 3 | KHOA HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 1 | 2 | **36** |
| 4 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 5 | ĐẠO ĐỨC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 6 | KĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 7 | ÂM NHẠC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 8 | MĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 9 | LỊCH SỬ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 10 | TIẾNG ANH | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| 11 | TIN HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 12 | ĐỊA LÍ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 13 | Chào cờ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 14 | ATGT+KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 15 | TLHĐ | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 2 | **18** |
| TS tiết/ tuần | | **31** | **31** | **31** | **35** | **31** | **31** | **31** | **35** | **31** | **31** | **31** | **35** | **31** | **31** | **31** | **40** | **26** | **33** | **576** |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4 - HỌC KỲ 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | TVIỆT | 8 | 8 | 8 | 8 | 5 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 6 | 6 | 6 | 8 | 9 | **136** |
| 2 | TOÁN | 5 | 5 | 5 | 5 | 3 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 | **85** |
| 3 | KHOA HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 | **34** |
| 4 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | **34** |
| 5 | ĐĐỨC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 6 | KĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 7 | ÂM NHẠC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 8 | MĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 9 | LỊCH SỬ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 10 | TIẾNG ANH | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | **68** |
| 11 | TIN HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 0 | **34** |
| 12 | ĐỊA LÍ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 13 | CHÀO CỜ | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | **16** |
| 14 | KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 15 | HĐNGLL | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | **17** |
| TS tiết/ tuần | | **31** | **31** | **31** | **35** | **21** | **31** | **31** | **35** | **31** | **36** | **31** | **31** | **31** | **26** | **26** | **30** | **31** | **24** | **543** |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 5 - HỌC KỲ I | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Môn /tuần | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| 1 | TVIỆT | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 10 | 6 | 8 | **144** |
| 2 | TOÁN | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 6 | 4 | 5 | **90** |
| 3 | KHOA HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 1 | 2 | **36** |
| 4 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 5 | ĐẠO ĐỨC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 6 | KĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 7 | ÂM NHẠC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 8 | MĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 9 | LỊCH SỬ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 10 | TIẾNG ANH | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| 11 | TIN HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| 12 | ĐỊA LÍ | 1 | 1 | 1 | 0 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 13 | Chào cờ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| 14 | ATGT+KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 1 | **18** |
| 15 | TLHĐ | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 2 | **18** |
| TS tiết/ tuần | | **31** | **31** | **31** | **34** | **32** | **31** | **31** | **35** | **31** | **31** | **31** | **35** | **31** | **31** | **31** | **40** | **26** | **33** | **576** |
| BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 5 - HỌC KỲ 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | Môn /tuần | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | **Tổng thời lượng** |
| 1 | TVIỆT | 8 | 8 | 8 | 8 | 5 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 6 | 6 | 6 | 8 | 9 | **136** |
| 2 | TOÁN | 5 | 5 | 5 | 5 | 3 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 | **85** |
| 3 | KHOA HỌC | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 | **34** |
| 4 | Thể dục | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | **34** |
| 5 | ĐĐỨC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 6 | KĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 7 | ÂM NHẠC | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 8 | MĨ THUẬT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 9 | LỊCH SỬ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 10 | TIẾNG ANH | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 2 | **68** |
| 11 | ĐỊA LÍ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | **17** |
| 12 | CHÀO CỜ | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | **16** |
| 13 | KNS+SH | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| 14 | HĐNGLL | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | **17** |

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Phân công nhiệm vụ:**
   1. **Đối với hiệu trưởng**:

Xây dựng kế hoach chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.

Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, phối hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm.

Cùng với BCH Công đoàn xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ra quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng; Bổ nhiệm các tổ trưởng, Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động ngoài giờ lên lớp; Hội đồng thi đua khen thưởng.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

* 1. **Phó hiệu trưởng**:

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, các phần mềm liên quan đến hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoach bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác liên quan đén các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn. Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ. Duyệt kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ.

* 1. **Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn**:

Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, tuần, tháng , năm, nhằm thực hiện chương trình kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục.

Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng đổi mới, 2 tuần/lần nhằm tháo gở những khó khăn, vướng mắc trong dạy học, giáo dục, đánh giá học sinh.

**1.4. Đối với giáo viên:** Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện nghiêm túc mội quy chế chuyên môn. Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài nhà trường. Tích cực tự trau rồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

**1.5. Đối với Tổng phụ trách đội:**

Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoach hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhàtrường.

Thành lập các ban của liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhàtrường.

Xây dựng tiêu chí thi đua của liên Đội.

**1.6. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị:**

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị. Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách. Tổ chức Ngày hội đọc sách. Đề xuất mua sắm trang thiết bị dạy học.

**2. Công tác kiểm tra giám sát:**

Kiểm tra hoạt động của các tổ, nhóm chuyên môn:  
 - Kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch của tổ, kế hoạch dạy học từng bộ môn; nội dung kế hoạch năm học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, theo đặc thù của tổ, nhóm chuyên môn và phải đảm bảo tính liên thông, cụ thế về tiến trình thực hiện, người thực hiện và kết quả đạt được  
 - Kiểm tra chất lượng dạy - học của tổ, nhóm chuyên môn; việc sinh hoạt chuyên môn;  việc  thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ.

Kiểm tra công tác quản lý dạy thay, công tác quản lý chuyên môn, việc thực hiện về quy định dạy thêm học thêm; kiểm tra chỉ đạo phong trào học tập của học sinh: phụ đạo, ngoại khóa, thực hành, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. phụ đạo hoc sinh có nhận thức chậm. Kiểm tra việc học tập và rèn luyện của học sinh.  
  - Kiểm tra về tổ chức lớp học, nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường tiểu học; Kiểm tra theo nội quy, quy định của trường, lóp, các tổ chức trong nhà trường.  
 - Kiểm tra việc tự rèn luyện của học sinh thông qua hoạt động tập thế, qua  
hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đoàn, Đội, các Hội thi...

**3. Chế độ báo cáo**

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn, đoàn thể báo cáo công tác tháng qua và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ;

- Tổng kết chuyên môn năm học;

- Báo các theo yêu cầu của Phòng GDĐT thị xã Buôn Hồ.

 Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2020-2021 của trường tiểu học Quang Trung, nhà trường yêu cầu các bộ phận, tổ chức đoàn thể phối hợp thực hiện nghiêm túc./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD và ĐT (để b/c);  -Tổ chuyên môn, đoàn thể (để th/h);  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**      **Hoàng Văn Hùng** |
|  |  |

Căn cứ công văn số 1429/SGDĐT-GDTH, ngày 21/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2020 – 2021 đối với giáo dục tiểu học;

Căn cứ Công văn 311/PGDĐT-GDTH, ngày 06/10/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2020 – 2021;